

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

#### Tổng quan thị trường

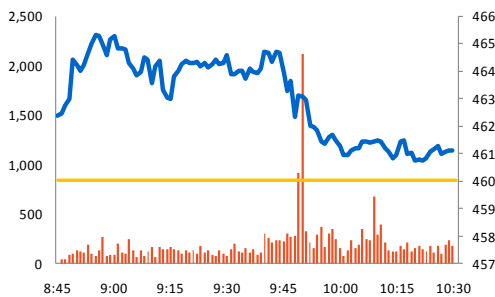
|                       | Giá trị  | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|----------|----------|---------|
| VN-Index              | 461.13 ↑ | 1.09     | 0.24%   |
| KLGD (triệu ck)       | 27.89 ↑  | 0.47     | 1.72%   |
| GTGD (tỷ đồng)        | 541.78 ↓ | -66.31   | -10.90% |
| Tổng cung (triệu ck)  | 32.12 ↑  | 25.89    | 415.99% |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 30.32 ↑  | 24.48    | 419.47% |
| <b>Giao dịch NN</b>   |          |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 2.22 ↓   | -0.38    | -14.79% |
| KL bán (triệu ck)     | 0.47 ↓   | -0.39    | -45.37% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 68.15 ↓  | -19.40   | -22.16% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 16.94 ↓  | -13.52   | -44.39% |

Nhận định thị trường:



Thị trường tiếp tục xu hướng sideway/suy giảm nhẹ trong tuần cuối Quý như chúng tôi đã nói rõ trong các bản tin gần đây. Thị trường đóng cửa tăng điểm nhẹ tuy nhiên nếu loại trừ 4 cổ phiếu làm méo mó VN-Index như BVH, MSN, VICV, VPL thì thị trường giảm điểm. Nhiều bluechips tiếp tục được đỡ giá NAV ngày hôm nay. Thanh khoản thấp, số cổ phiếu giảm vượt nhẹ (94 tăng, 114 cổ phiếu giảm) cho thấy xu hướng giảm chiếm ưu thế nhẹ.

#### Biến động trong ngày



Loạt tin tức tác động xấu đến thị trường còn một số tin như sau: (i) lạm phát tháng 4 theo Tổng cục thống kê dự báo khoảng 1.5%; (ii) tháng 5/2011, lương cơ bản sẽ tăng 13.6% từ 730.000 đ lên 830.000 đ.

Trong một bản tin gần đây, chúng tôi có thống kê là quý I/2011, lạm phát tăng 6.12% và dự báo lạm phát tháng 6 tăng 9%, tháng 12/2011 tăng >12%. Với những cập nhật tin tức như trên thì con số lạm phát tháng 6/2011 khoảng 9% đang dần đến hiện thực (Quý I: 6.12%, nếu sau đó tháng 4: 1.5%, tháng 5: 1%, tháng 6: 0.5% thì 6 tháng/2011 là 9.12%).

*Trong ngắn hạn*, vùng hỗ trợ ngắn hạn được đặt tại 450-458, nơi có đáy gần nhất và đường trendline hướng lên. Các chỉ tiêu kỹ thuật như RSI, MACD, ADX đang tiếp tục ủng hộ xu hướng suy giảm nhẹ của thị trường.

*Chiến lược*: Chúng tôi vẫn bi quan về xu hướng ngắn hạn của thị trường, thị trường có thể giảm trong vài phiên tới khi lực đỡ NAV đã hết. Nếu trong các phiên tới thị trường tăng điểm với khối lượng giao dịch yếu, thì nhà đầu tư nên bán ra. Trường hợp thị trường giảm tiếp thì nhà đầu tư nên sớm bán cắt lỗ.

Nhà đầu tư nên xem xét dần dần mua vào nếu tại các khu vực hỗ trợ bên dưới (450, 440 điểm), thị trường bật lên với khối lượng giao dịch lớn.

Phạm Bình

GD Phân tích

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

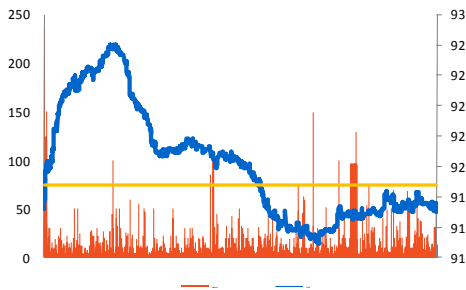
ĐT: (84-4) 39343888 Fax: 393439999

## HNX:

### Tổng quan thị trường

|                       | Giá trị | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|---------|----------|---------|
| HNX-Index             | 91.47   | ↓ -0.01  | -0.01%  |
| KLGD (triệu ck)       | 24.55   | ↓ -5.88  | -19.32% |
| GTGD (tỷ đồng)        | 351.62  | ↓ -92.93 | -20.90% |
| Tổng cung (triệu ck)  | 39.23   | ↑ 2.04   | 5.49%   |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 45.13   | ↓ -5.86  | -11.49% |
| Giao dịch NN          |         |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 0.32    | ↓ -0.02  | -4.79%  |
| KL bán (triệu ck)     | 0.14    | ↓ -0.15  | -51.05% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 6.40    | ↑ 0.75   | 13.37%  |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 1.71    | ↓ -1.00  | -36.82% |

### Biến động trong ngày



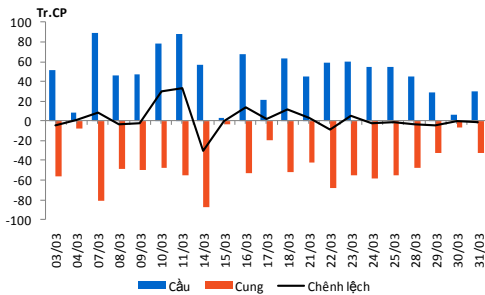
## Nhận định thị trường:



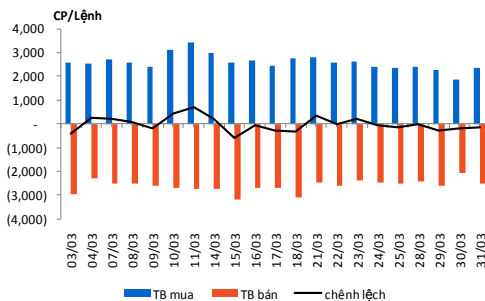
- Thị trường tăng điểm đầu phiên sau đó giảm mạnh cho thấy lực bán chiếm ưu thế. Khối lượng giao dịch thấp cho thấy sự chần chừ của bên bán và bên mua lại khi thị trường gần chạm hỗ trợ 90.7 điểm.
- Các chỉ báo kỹ thuật khác như MACD, ADX, RSI tiếp tục cho tín hiệu hơi tiêu cực.
- Thị trường sẽ kiểm định hỗ trợ 90.7 điểm vào ngày mai. Nhà đầu tư có thể mua vào nếu thị trường bật lên tại 90.7 điểm với khối lượng khá – tuy nhiên xác suất khả năng này không cao.
- Chúng tôi vẫn tiếp tục bi quan về thị trường. Việc giảm bớt cổ phiếu nên tiến hành khi thị trường giảm xuống dưới 90.7 điểm là cần thiết.
- Trong trường hợp lạc quan, thị trường có thể phục hồi tại hỗ trợ 88 điểm.

## HSX:

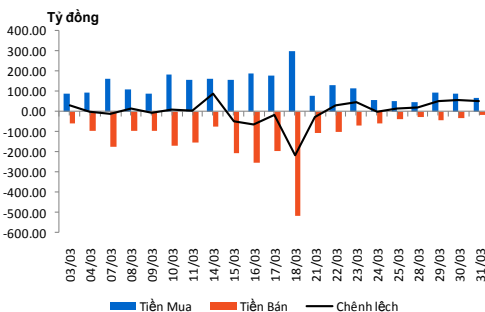
### Cung cầu



### Trung bình lệnh mua/bán



### Giao dịch NĐTNN



## Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh:

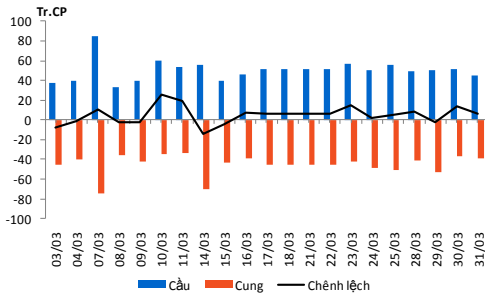
Trong đợt 1, chỉ số VN-Index ghi nhận mức tăng đến 5.12 điểm (1.11%) lên 465.6 điểm, khối lượng giao dịch đạt hơn 5 triệu đơn vị, tương đương 65.74 tỷ đồng. Hầu hết các mã cổ phiếu đều tăng điểm tích cực, bao gồm cả các mã blue-chips như BVH, MSN, VIC, PVF,... đã hỗ trợ rất lớn cho thị trường. Tuy nhiên đà tăng điểm đã không được duy trì trong đợt 2, đầu đợt 2 VN-Index thu hẹp đà tăng xuống còn 4.24 điểm (0.92%), lùi về 464.28 điểm mất mốc 465 điểm. Thanh khoản chỉ đạt 6.8 triệu đơn vị, tương đương 145 tỷ đồng, lực cầu sụt giảm trong khi lệnh bán ra có xu hướng tăng lên. Sự ảm đạm trong giao dịch kéo dài, VN-Index đến cuối đợt 2 giảm sát về tham chiếu. BVH, PVF, MSN tăng nhẹ trong khi một số bluechips khác như VIC, VCB, HAG duy trì mức tham chiếu, khiến VN-Index lình xình quanh khu vực 460-461 điểm. Trong đợt khớp lệnh cuối, nhờ lực cầu tăng lên từ nhóm cổ phiếu lớn, VN-Index cải thiện và ghi nhận mức tăng nhẹ 1.09 điểm và đóng cửa tại 461.13 điểm, tương đương 0.24%. Tổng cộng có 114 mã giảm giá trong phiên này, 94 mã tăng và 70 mã đứng giá

Giao dịch khá ảm đạm khiến thanh khoản tiếp tục sụt giảm mạnh trong phiên hôm nay. Cả phiên có tổng cộng hơn 28 triệu cổ phiếu được chuyển nhượng, xấp xỉ phiên hôm qua, nhưng nếu loại trừ 6.87 triệu cổ phiếu giao dịch thỏa thuận thì thanh khoản phiên này giảm khá mạnh. Giá trị cũng giảm mạnh với tổng giá trị giao dịch chỉ đạt 541.78 tỷ đồng, giao dịch thỏa thuận chiếm 120 tỷ đồng.

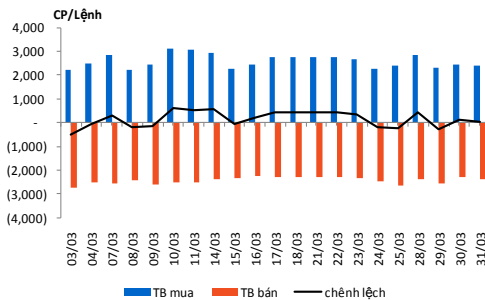
Toàn thị trường chỉ có hai mã đạt khối lượng giao dịch trên 1.2 triệu đơn vị là SSI và STB. Trong đó, riêng SSI được nước ngoài mua mạnh với 484,820 đơn vị, ngoài SSI, khối ngoại tiếp tục mua vào HAG, DPM, CTG.. Cả phiên, khối ngoại mua vào 2.217.000 chứng khoán với giá trị là hơn 68 tỷ đồng, giảm 14,79% về khối lượng và giảm 22,16% về giá trị so với phiên giao dịch trước đó.

## HNX:

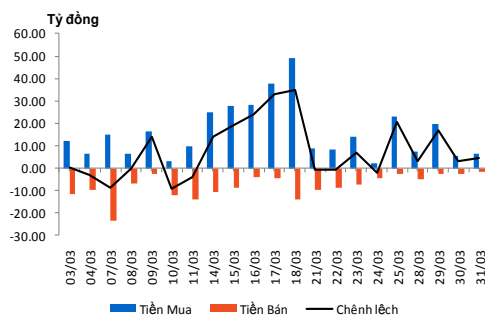
### Cung cầu



### Trung bình lệnh mua/bán



### Giao dịch NĐTNN



## Diễn biến thị trường Hà Nội:

HNX-Index có sự khởi sắc ngay từ đầu phiên với mức tăng 0.75 điểm, tương đương 0.8% lên trên 92 điểm. Thanh khoản đạt hơn 2 triệu đơn vị, tương ứng với khoảng 40 tỷ đồng. Toàn sàn có 117 mã tăng giá, 245 mã đứng giá và chỉ có 21 mã giảm. Sang đầu đợt 2, áp lực bán tăng lên nhưng việc các mã cổ phiếu vốn hoá lớn như BVS, VND, SHN, PVX đều tăng nhẹ giúp cho chỉ số duy trì sắc xanh nhưng mức tăng đã giảm nhẹ. HNX-Index thu hẹp chỉ còn 0.26 điểm, lùi về 91.74 điểm, có 8.65 triệu đơn vị được giao dịch, tương đương 129.5 tỷ đồng dù trên sàn. Tuy nhiên, việc lực cầu tiếp tục ảm đạm, trong khi lực bán vẫn tăng lên khiến HNX quay đầu giảm điểm nhẹ. Sang đợt 3, HNX-Index giảm 0.22 điểm, lùi về 91.27 điểm, và chỉ có thêm hơn 7 triệu đơn vị cổ phiếu được chuyển nhượng. Đóng cửa, chỉ số này giảm nhẹ 0.01 điểm về 91.47 điểm. Toàn thị trường có 157 mã tăng, 104 mã giảm và 69 mã đứng giá.

Thanh khoản hôm nay tiếp tục vẫn ở mức thấp, cả phiên chỉ có 24.55 triệu cổ phiếu được chuyển nhượng, tương đương 351.62 tỷ đồng. Giao dịch của khối ngoại cũng rất thấp. Khối ngoại mua vào 24 mã với tổng khối lượng đạt 323.700 cổ phiếu, tương đương giá trị đạt hơn 6 tỷ đồng, giảm 4,79% về khối lượng nhưng tăng 13,37% về giá trị so với phiên giao dịch trước đó. Các mã cổ phiếu được mua vào nhiều tiếp tục là PVX, PVS, VCG, KLS. Về chiều bán, có 15 mã được bán ra với tổng khối lượng đạt 140.300 cổ phiếu, tương đương giá trị đạt hơn 1,7 tỷ đồng, giảm 51% về khối lượng và giảm 37% về giá trị so với phiên giao dịch trước đó.

## TIN CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN PVN

### **PET - Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí: phân phối và tiêu thụ sản phẩm Polyester Đình Vũ**

Ngày 30/3, CTCP Hóa chất và xơ sợi dầu khí (PVTex) cùng PET đã ký kết hợp đồng đại lý phân phối và tiêu thụ sản phẩm polyester của Nhà máy Polyester Đình Vũ.

Nhà máy Polyester Đình Vũ là nhà máy sản xuất xơ sợi polyester quy mô lớn đầu tiên do doanh nghiệp Việt Nam đầu tư sản xuất sử dụng công nghệ hiện đại từ Đức, với tổng vốn đầu tư 325 triệu USD.

Theo thỏa thuận hợp tác, PET sẽ trở thành đại lý bao tiêu và phân phối sản phẩm xơ sợi Polyester Đình Vũ. Hai đơn vị sẽ xây dựng phương án phân phối sản phẩm, đảm bảo chất lượng cho các sản phẩm xơ sợi Polyester

### **PSG - CTCP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn: Ngày 06/04 chốt quyền cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 6%**

- Ngày đăng ký cuối cùng: 08/04/2011
- Ngày giao dịch không hưởng cổ tức: 06/04/2011
- Lý do và mục đích: Trả cổ tức đợt 2 năm 2010 bằng tiền mặt
- Tỷ lệ thực hiện: 6%/ mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 600 đồng)
- Thời gian thực hiện: ngày 21/04/2011

Địa điểm thực hiện:

- Đối với chứng khoán lưu ký: người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ tức tại các thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
- Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ tức tại Phòng Kế toán - CTCP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Lầu 8, Tòa nhà PVC – Sài Gòn, 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

### Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 33 cổ phiếu niêm yết có 16 cổ phiếu tăng giá, 5 cổ phiếu đứng giá và 10 cổ phiếu giảm giá. Các cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PVR (tăng 5,38%), PPS (tăng 3,85%) và PSG (tăng 3.26%). Các cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PCG giảm 5,00%, PVG giảm 3,01%, và PXT giảm 3.80%. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,04% và tổng khối lượng giao dịch đạt 7,9 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 31/03:

| STT | Mã  | Tên công ty                                      | Giá đóng cửa (VNĐ) | KLGD (cp) | Tăng/Giảm (%) | P/B * | P/E trailing* | Nơi giao dịch |
|-----|-----|--------------------------------------------------|--------------------|-----------|---------------|-------|---------------|---------------|
| 1   | ICG | CTCP Xây dựng Sông Hồng                          | 14,100             | 64,100    | ↗ 0.00        | 1.16  | 3.77          | HNX           |
| 2   | PCG | CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị             | 7,600              | 900       | ↓ -5.00       | 0.70  | 9.47          | HNX           |
| 3   | PDC | CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông                 | 7,200              | 72,400    | ↗ 1.41        | 0.48  | 1.62          | HNX           |
| 4   | PFL | CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN           | 8,900              | 139,900   | ↓ -2.20       | 0.77  | 5.59          | HNX           |
| 5   | PGS | CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam            | 20,500             | 549,500   | ↗ 0.00        | 1.55  | 18.01         | HNX           |
| 6   | PHH | CTCP Hồng hà Dầu khí                             | 11,700             | 119,700   | ↗ 0.86        | 0.66  | 2.59          | HNX           |
| 7   | PPS | CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN        | 10,800             | 101,700   | ↗ 3.85        | 1.04  | 22.96         | HNX           |
| 8   | PSG | CTCP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn           | 9,500              | 15,000    | ↗ 3.26        | N/A   | N/A           | HNX           |
| 9   | PSI | CTCP Chứng Khoán Dầu khí                         | 9,500              | 141,700   | ↗ 1.06        | 0.72  | 3.61          | HNX           |
| 10  | PV2 | CTCP Đầu tư và Phát triển PVI                    | 8,300              | 395,400   | ↓ -1.19       | 0.35  | 2.47          | HNX           |
| 11  | PVA | CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An                    | 29,400             | 117,800   | ↓ -2.00       | 1.57  | 8.43          | HNX           |
| 12  | PVC | Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí    | 23,000             | 115,900   | ↗ 0.44        | 1.43  | 4.34          | HNX           |
| 13  | PVE | CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí           | 12,000             | 27,100    | ↓ -0.83       | 0.99  | 6.62          | HNX           |
| 14  | PVG | CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc            | 16,100             | 527,900   | ↓ -3.01       | 1.38  | 11.49         | HNX           |
| 15  | PVI | Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí                       | 17,200             | 69,900    | ↗ 0.58        | 1.46  | 10.63         | HNX           |
| 16  | PVL | CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí VN            | 9,300              | 207,900   | ↗ 1.09        | 0.42  | 4.13          | HNX           |
| 17  | PVR | CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN       | 9,800              | 26,600    | ↗ 5.38        | 0.83  | 4.36          | HNX           |
| 18  | PVS | Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí               | 21,100             | 77,500    | ↗ 0.48        | 1.97  | 57.05         | HNX           |
| 19  | PVW | CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC             | 23,000             | 178,900   | ↗ 2.22        | 1.51  | 11.45         | HNX           |
| 20  | PVX | Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN                     | 16,400             | 1,492,800 | ↗ 0.61        | 0.72  | 1.28          | HNX           |
| 21  | PXA | CTCP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An         | 10,500             | 6,600     | ↓ -2.78       | 0.98  | 23.17         | HNX           |
| 22  | DPM | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí        | 35,100             | 155,950   | ↗ 0.29        | 2.10  | 5.67          | HSX           |
| 23  | PET | Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí               | 14,300             | 123,060   | ↓ -0.69       | 1.28  | 7.81          | HSX           |
| 24  | PGD | CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN            | 36,100             | 16,560    | ↗ 4.64        | 2.44  | 10.86         | HSX           |
| 25  | PTL | CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí            | 10,000             | 2,043,070 | ↗ 0.00        | 0.89  | 6.91          | HSX           |
| 26  | PVD | Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí         | 49,900             | 61,310    | ↗ 0.81        | 3.85  | 19.13         | HSX           |
| 27  | PVF | Tổng CTCP Tài chính Dầu khí                      | 20,600             | 66,790    | ↗ 0.49        | 1.83  | 24.62         | HSX           |
| 28  | PVT | Tổng CTCP vận tải Dầu khí                        | 8,000              | 77,830    | ↗ 0.00        | 1.03  | 63.12         | HSX           |
| 29  | PXI | CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí     | 9,800              | 25,000    | ↓ -2.00       | 0.83  | 2.23          | HSX           |
| 30  | PXL | CTCP ĐT khu công nghiệp dầu khí – Idico Long Sơn | 6,500              | 92,540    | ↗ 0.00        | 0.61  | 13.14         | HSX           |
| 31  | PXM | CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung                  | 7,800              | 754,740   | ↓ -2.50       | 0.70  | 8.85          | HSX           |
| 32  | PXS | CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí         | 12,900             | 65,880    | ↗ 0.00        | 1.17  | N/A           | HSX           |
| 33  | PXT | CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí           | 7,600              | 21,880    | ↓ -3.80       | 0.77  | N/A           | HSX           |
| 34  | NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2               | 8,600              | 25,000    | ↓ -6.52       | N/A   | N/A           | UPCOM         |
| 35  | PCT | CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long                    | 4,100              | 5,000     | ↓ -2.38       | 0.38  | N/A           | UPCOM         |
| 36  | POV | CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng                   | 6,600              | -         | ↗ 0.00        | N/A   | N/A           | UPCOM         |
| 37  | PSB | CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình           | 6,400              | 10,100    | ↓ -1.54       | 0.58  | N/A           | UPCOM         |
| 38  | PSP | CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ                | 6,300              | 7,000     | ↗ 1.61        | 0.56  | N/A           | UPCOM         |
| 39  | PTT | CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương                  | 4,200              | 400       | ↓ -6.67       | 0.42  | N/A           | UPCOM         |
| 40  | PX1 | CTCP Xi măng Dầu khí 12/9                        | 15,900             | -         | ↗ 0.00        | N/A   | N/A           | UPCOM         |

\* Giá trị sổ sách và EPS tính trên báo cáo hợp nhất quý gần nhất hoặc năm gần nhất

## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

### Lịch đấu giá các công ty

| Công ty                                           | VĐL<br>(tỷ đồng) | Tổng số<br>CP chào<br>bán | Giá<br>khởi<br>điểm<br>(đ/cp) | Ngày đấu<br>giá | Thời gian nhận<br>đặt cọc       |
|---------------------------------------------------|------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------|---------------------------------|
| Công ty Xây dựng và Xuất nhập khẩu Giao thông 502 | 25.00            | 1,275,000                 | 10,000                        | 30/03/2011      | Từ 24/2 đến<br>23/03/2011       |
| Công ty Công trình Giao thông 503                 | 20.00            | 1,030,000                 | 10,000                        | 16/03/2011      | Từ 24/2 đến<br>09/03/2011       |
| Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh (lần 2) | 34.70            | 924,709                   | 16,000                        | 24/01/2011      |                                 |
| CTCP Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng                    | 41.00            | 1,931,760                 | 26,000                        | 30/12/2010      | Từ 12/09/2010 đến<br>12/23/2010 |
| Công ty Vật liệu Xây dựng và Lâm sản              | 63.00            | 2,030,200                 | 10,500                        | 27/12/2010      |                                 |
| CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2                          | 112.00           | 5,277,300                 | 10,500                        | 24/12/2010      | Từ 06/12/2010                   |
| Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.Hồ Chí Minh      | 0.00             | 3,000,000                 | 110                           | 22/12/2010      | Từ 06/12/2010                   |

### Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

| Công ty                                         | Địa chỉ đăng<br>ký niêm yết | VĐL<br>(tỷ đồng) | Ngày nộp hồ sơ |
|-------------------------------------------------|-----------------------------|------------------|----------------|
| CTCP Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh   | HNX                         | 72               | 23/03/2011     |
| CTCP Chứng khoán VNS                            | HNX                         | 161              | 03/04/2011     |
| CTCP Dược phẩm Phong Phú                        | HNX                         | 23.355           | 23/02/2011     |
| Công ty cổ phần VIPACO                          | HNX                         | 30               | 28/01/2011     |
| Công ty Cổ phần Bê tông Becamex                 | HSX                         | 100              | 26/01/2011     |
| CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang | HSX                         | 168              | 24/01/2011     |
| ông ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải | HSX                         | 100.795          | 24/01/2011     |
| CTCP Du lịch Tân Định Fiditourist               | HNX                         | 30.545           | 21/01/2011     |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật         | HSX                         | 242              | 14/01/2011     |

**Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết**

| Công ty                                                | Địa chỉ đăng ký niêm yết | VĐL<br>(tỷ đồng) | Ngày được chấp thuận |
|--------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|----------------------|
| CTCP Dịch vụ Sonadezi                                  | UPCOM                    | 50               | 24/03/2011           |
| CTCP Đầu tư xây dựng Thanh niên                        | HNX                      | 18               | 17/03/2011           |
| CTCP Gỗ MDF VRG                                        | UPCOM                    | 344.45997        | 21/02/2011           |
| CTCP Đầu tư xây dựng Hồng Phát                         | HNX                      | 48               | 18/02/2011           |
| TCP Lưới thép Bình Tây                                 | UPCOM                    | 19.654           | 26/01/2011           |
| CTCP Xây lắp III Petrolimex                            | HNX                      | 50               | 25/01/2011           |
| CTCP Chứng khoán An Phát                               | HNX                      | 289              | 20/01/2011           |
| CTCP Bìa Hà Nội – Hải Phòng                            | HNX                      | 91.79            | 20/01/2011           |
| CTCP Du lịch Đắc Lắc                                   | UPCOM                    | 93.07            | 19/01/2011           |
| CTCP Viễn thông điện tử Vinacap                        | HNX                      | 134.97           | 17/01/2011           |
| CTCP Xây lắp cơ khí và Lương thực Thực phẩm            | HNX                      | 35               | 14/01/2011           |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I | HSX                      | 38               | 07/01/2011           |

**Lịch niêm yết lần đầu**

| Công ty                                                      | Mã CK | Địa chỉ niêm yết | Vốn điều lệ<br>(tỷ đồng) | Giá chào sàn<br>(Đồng) | Ngày giao dịch |
|--------------------------------------------------------------|-------|------------------|--------------------------|------------------------|----------------|
| CTCP Đường sông Miền Nam                                     | SWC   | UPCOM            | 671.00                   |                        | 29/04/2011     |
| CTCP Xây dựng HUD101                                         | H11   | UPCOM            | 10.60                    |                        | 28/04/2011     |
| CTCP Du lịch Đắc Lắc                                         | DLD   | UPCOM            | 93.07                    |                        | 08/04/2011     |
| CTCP Than Miền Trung - TKV                                   | CZC   | UPCOM            | 26.68                    |                        | 05/04/2011     |
| CTCP Gang thép Thái Nguyên                                   | TIS   | UPCOM            | 1,840.00                 |                        | 24/03/2011     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3                      | HUD3  | HSX              | 100.00                   |                        | 18/03/2011     |
| CTCP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn                       | PSG   | HNX              | 350.00                   |                        | 15/03/2011     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long | CCL   | HSX              | 250.00                   |                        | 03/03/2011     |
| Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện                                  | PTI   | HNX              | 450.00                   |                        | 02/03/2011     |
| CTCP Địa ốc 11                                               | D11   | HNX              | 26.00                    |                        | 25/02/2011     |
| CTCP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An                     | PXA   | HNX              | 108.00                   |                        | 22/02/2011     |
| CTCP Thép Biên Hòa                                           | VCA   | UPCOM            | 151.87                   |                        | 21/02/2011     |
| CTCP Tập đoàn Quốc tế Biên Hòa                               | FBA   | UPCOM            | 34.15                    |                        | 18/02/2011     |
| Tổng CTCP Y tế Danameco                                      | DNM   | HNX              | 24.12                    |                        | 16/02/2011     |
| CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm                  | MCF   | HNX              | 35.00                    |                        | 14/02/2011     |
| CTCP Môi trường Đô thị Hà Đông                               | MTH   | UPCOM            | 14.78                    |                        | 10/02/2011     |
| CTCP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa                       | KCE   | UPCOM            | 15.00                    |                        | 08/02/2011     |

*Nguồn: HSX, HSX*

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

### HSX

#### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %  | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|------|------------------------------------|
| SSI | 22,400     | 22,500   | 0.45 | 32,751                             |
| KTB | 22,300     | 22,300   | 0.00 | 23,943                             |
| PTL | 10,000     | 10,000   | 0.00 | 21,401                             |
| CTI | 35,000     | 35,600   | 1.71 | 20,320                             |
| GMD | 28,800     | 29,000   | 0.69 | 18,505                             |

### HNX

#### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| VND | 15,000     | 15,100   | 0.67  | 28,318                             |
| PVX | 16,300     | 16,400   | 0.61  | 24,589                             |
| VCG | 21,200     | 21,100   | -0.47 | 19,900                             |
| THV | 10,200     | 10,100   | -0.98 | 18,726                             |
| KLS | 10,100     | 10,100   | 0.00  | 18,698                             |

#### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng  | ± %  |
|-----|------------|----------|-------|------|
| VCF | 46,200     | 48,500   | 2,300 | 4.98 |
| LHG | 37,900     | 39,700   | 1,800 | 4.75 |
| BMC | 27,500     | 28,800   | 1,300 | 4.73 |
| VPL | 63,500     | 66,500   | 3,000 | 4.72 |
| PGD | 34,500     | 36,100   | 1,600 | 4.64 |

#### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng  | ± %  |
|-----|------------|----------|-------|------|
| DHT | 33,000     | 35,300   | 2,300 | 6.97 |
| YBC | 23,000     | 24,600   | 1,600 | 6.96 |
| BHT | 26,000     | 27,800   | 1,800 | 6.92 |
| TH1 | 21,800     | 23,300   | 1,500 | 6.88 |
| BHV | 20,500     | 21,900   | 1,400 | 6.83 |

#### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %   |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| D2D | 30,000     | 28,500   | -1,500 | -5.00 |
| MKP | 48,000     | 45,600   | -2,400 | -5.00 |
| BCE | 10,300     | 9,800    | -500   | -4.85 |
| VKP | 4,200      | 4,000    | -200   | -4.76 |
| CMX | 13,000     | 12,400   | -600   | -4.62 |

#### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %   |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| TTC | 4,300      | 4,000    | -300   | -6.98 |
| APP | 21,600     | 20,100   | -1,500 | -6.94 |
| MCO | 7,200      | 6,700    | -500   | -6.94 |
| HBE | 5,800      | 5,400    | -400   | -6.90 |
| KST | 18,900     | 17,600   | -1,300 | -6.88 |

#### 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| SSI | 14,424                | SSI | 3,588                 |
| HAG | 7,979                 | VIC | 3,121                 |
| HPG | 7,174                 | VNM | 2,000                 |
| BVH | 5,072                 | DHG | 1,302                 |
| CTG | 3,889                 | VCB | 944                   |

#### 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| PVX | 1,593                 | PVX | 428                   |
| VCG | 1,502                 | SDP | 243                   |
| VCS | 763                   | BTS | 228                   |
| PVS | 661                   | SGC | 223                   |
| S96 | 504                   | PSI | 185                   |

## KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

### THÔNG TIN LIÊN HỆ

#### Ban Phân tích

E -mail: [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Tel: (84-4) 3934 3888



**PSI CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

*Trụ sở chính:*

**18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999**

*Chi nhánh Hà Nội*

**Tầng 1, 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4)39343888; Fax: (84-4)39343999**

*Chi nhánh Nam Định*

**Tầng 1, lô 13+21 Đường Đông A, Khu đô thị mới Hoà Vượng, Nam Định – ĐT: (84-350) 3677989; Fax: (84-350) 3677979**

*Chi nhánh Thanh Hoá*

**Tầng 1, số 38A đại lộ Lê Lợi, Thanh Hoá**

*Chi nhánh Nghệ An*

**Số 19, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An**

*Chi nhánh Hải Phòng*

**Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng**

*Chi nhánh TP.HCM:*

**Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919**

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

**Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521**

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

**Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339**